

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 8570 /BGDDT- VP

V/v: Hướng dẫn xét khen thưởng thực hiện nhiệm vụ năm học 2013-2014 khối các sở giáo dục và đào tạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2013

Kính gửi:

- Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo;
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam.

Căn cứ Chỉ thị số 3004/CT-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên nghiệp năm học 2013-2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn việc theo dõi, đánh giá thực hiện các lĩnh vực công tác và xét khen thưởng thực hiện nhiệm vụ năm học 2013-2014 khối các sở giáo dục và đào tạo theo 16 lĩnh vực công tác hoặc 15 lĩnh vực công tác (đối với các sở giáo dục và đào tạo không thực hiện lĩnh vực giáo dục dân tộc). Thang điểm đánh giá mỗi lĩnh vực công tác là 10 điểm. Lĩnh vực giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học, giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên nghiệp (nhân hệ số 2) tổng số điểm thực hiện các lĩnh vực công tác là 210 điểm hoặc 200 điểm đối với các sở thực hiện 15 lĩnh vực công tác. Nội dung và quy trình thực hiện cụ thể là:

A. Nội dung tiêu chuẩn và điểm đánh giá từng lĩnh vực công tác.**I. Giáo dục Mầm non (Vụ Giáo dục Mầm non chủ trì đánh giá, chấm điểm)**

1. Triển khai, thực hiện các văn bản chỉ đạo, các cuộc vận động và các phong trào thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tập trung chỉ đạo thực hiện đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ (2 điểm).

2. Tăng tỷ lệ huy động trẻ đến nhà trẻ theo đúng kế hoạch năm học. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ, tăng tỷ lệ trẻ được ăn bán trú so với năm học trước; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng so với đầu năm học. Tăng tỷ lệ nhóm, lớp thực hiện chương trình giáo dục mầm non, không thực hiện chương trình 26 tuần (3 điểm).

3. Đảm bảo đủ số lượng phòng học, công trình vệ sinh, nước sạch đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Nâng cao chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, phần đầu mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thêm từ 1 - 2% trường đạt chuẩn quốc gia (2 điểm).

4. Đảm bảo chế độ chính sách cho giáo viên mầm non; không có cán bộ quản lý và giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo. Thực hiện đổi mới công tác quản lý, đảm bảo 3 công khai trong các cơ sở giáo dục mầm non; có biện pháp quản lý tốt các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập (2 điểm).

5. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền và xã hội hóa giáo dục, thu hút nhiều nguồn lực đầu tư cho giáo dục mầm non. Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin về Bộ đầy đủ, chính xác, kịp thời (1 điểm).

II. Giáo dục Tiểu học (Vụ Giáo dục Tiểu học chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo nhiệm vụ giáo dục tiểu học và kế hoạch thời gian năm học (2 điểm).

2. Chỉ đạo dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình; điều chỉnh nội dung dạy học; đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học; đổi mới tổ chức quản lý lớp học và đổi mới đánh giá học sinh, tăng tỷ lệ học sinh học 2 buổi /ngày, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục. Triển khai và nhân rộng có hiệu quả mô hình trường học mới tại Việt Nam; triển khai có hiệu quả Đề án dạy học ngoại ngữ, thí điểm phương pháp “Bàn tay nặn bột”(2 điểm).

3. Củng cố và duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, và thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2. Có kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và trong dạy học (2 điểm).

4. Có biện pháp tích cực nâng cao chất lượng dạy học cho học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên theo Chuẩn hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học (2 điểm).

5. Tổ chức tốt các hoạt động: Liên hoan tiếng hát dân ca, giao lưu tìm hiểu An toàn giao thông, Olympic môn học, cấp học, các hoạt động giao lưu Tiếng Anh, Robotics... Có sáng kiến, chủ động triển khai, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ công tác Đội với công tác giáo dục trong nhà trường. Thực hiện báo cáo định kỳ đúng thời gian, đúng quy định (2 điểm).

III. Giáo dục Trung học (Vụ Giáo dục Trung học chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, quy chế chuyên môn (3 điểm), trong đó:

Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp (1 điểm);

Triển khai nội dung giáo dục địa phương, lồng ghép tích hợp các nội dung theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (0,5 điểm);

Thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục theo quy định (0,5 điểm);

Đảm bảo nội dung sinh hoạt tập thể trong nhà trường (0,5 điểm);

Chỉ đạo tuyển sinh lớp 6, lớp 10 đúng quy định (0,5 điểm)

2. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá (2,5 điểm), trong đó:

Xây dựng nhà trường là đơn vị đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá (0,5 điểm);

Đổi mới kiểm tra đánh giá, xây dựng và áp dụng ma trận đề kiểm tra; xây dựng nguồn học liệu mở; triển khai phương pháp dạy học “Bàn tay nặn bột”; tổ chức dạy học phân hóa theo năng lực của học sinh (0,5 điểm);

Tổ chức các hội thi giáo viên giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng (0,5 điểm);

Phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, năng khiếu; giúp đỡ học sinh học lực yếu kém, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học (0,5 điểm);

Tổ chức tốt các cuộc thi dành cho học sinh (0,5 điểm).

3. Mạng lưới trường lớp, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia (2 điểm), trong đó:

Quy mô trường THCS, THPT được củng cố, phát triển hợp lý (0,5 điểm);

Sử dụng có hiệu quả phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị dạy học, phục vụ đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá (0,5 điểm);

Xây dựng và thực hiện kế hoạch công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia (1 điểm).

4. Duy trì phổ cập giáo dục THCS, giáo dục hòa nhập (1 điểm), trong đó:

Củng cố và duy trì nâng cao chất lượng kết quả của các đơn vị đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS (0,5 điểm);

Thực hiện hiệu quả giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật (0,5 điểm).

5. Công tác quản lý, thực hiện chế độ báo cáo (1,5 điểm), trong đó:

Có giải pháp sáng tạo, mang lại hiệu quả rõ rệt trong đổi mới tổ chức quản lý giáo dục trung học (0,5 điểm);

Quản lý tốt dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường (0,5 điểm);

Thực hiện đúng chế độ báo cáo theo quy định của Bộ GDĐT (0,5 điểm).

IV. Giáo dục Thường xuyên (Vụ Giáo dục Thường xuyên chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Kết quả triển khai và thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập”; Đề án “Xóa mù chữ” và các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành (2,5 điểm).

Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập các cấp hoạt động có hiệu quả;

Phê duyệt, triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” trên địa bàn toàn tỉnh, thành phố;

Tích cực tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng về mục đích, ý nghĩa, lợi ích của học tập suốt đời - xây dựng xã hội học tập; Có đủ Báo Giáo dục Thời đại (GDTĐ) cho các trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCD);

Tổ chức tốt Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời tại địa phương;

Kiện toàn Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục - chống mù chữ các cấp;

Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án Xóa mù chữ giai đoạn 2012- 2020;

Điều tra chính xác người mù chữ trong độ tuổi từ 15- 60 tuổi, vận động nhiều người mù chữ ra lớp;

Triển khai có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua do ngành Giáo dục phát động.

2. Củng cố và phát triển mạng lưới các cơ sở GDTX (2,5 điểm)

Củng cố hoạt động hiệu quả của các trung tâm GDTX đã có, thành lập mới cơ sở GDTX tại những nơi chưa có;

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, kinh phí cho các cơ sở GDTX;

Xây dựng và củng cố mô hình Trung tâm GDTX cấp huyện thực hiện 3 nhiệm vụ Giáo dục Thường xuyên, Hướng nghiệp - Dạy nghề;

Tổ chức hoạt động hiệu quả của các TTHTCD và chủ động phối hợp với ngành Văn hóa để chỉ đạo mô hình TTHTCD kết hợp trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường, thị trấn;

Đa dạng hóa nội dung, chương trình giáo dục ở nhiều lĩnh vực, thu hút nhiều người đến học tập tại các cơ sở GDTX nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi người;

Tổ chức đánh giá TTHTCD có hiệu quả, thiết thực;

Tăng cường, nề nếp, kỷ cương đối với các trung tâm ngoại ngữ, tin học.

3. Các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục (2,5 điểm)

Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên ngành học GDTX theo quy định;

Tổ chức bồi dưỡng cho Ban Giám đốc, giáo viên TTHTCD đạt hiệu quả thiết thực;

Tổ chức các hội giảng, hội thi giáo viên dạy giỏi, báo cáo viên giỏi, học viên giỏi, viết và phổ biến sáng kiến kinh nghiệm;

Nhiều CBQL và giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, dạy học.

4. Công tác quản lý, chỉ đạo (1,5 điểm)

Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động của các cơ sở GDTX;

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chương trình giáo dục thường xuyên do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Chỉ đạo ôn thi tốt nghiệp hiệu quả; Tổ chức thi tốt nghiệp nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế;

Chỉ đạo các TTGDTX tổ chức bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông.

5. Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết, nộp báo cáo (1 điểm)

Tổ chức tốt công tác sơ kết học kỳ, tổng kết năm học, thi đua khen thưởng;

Gửi các báo cáo về Bộ đảm bảo đầy đủ, chính xác về thông tin, đúng biểu mẫu và đúng thời hạn theo quy định.

V. Giáo dục chuyên nghiệp (Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Thực hiện tốt việc quản lý nhà nước đối với giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) trên địa bàn (3 điểm).

2. Có giải pháp cụ thể và tổ chức chỉ đạo các cơ sở đào tạo TCCN thực hiện hiệu quả các giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo TCCN (2 điểm).

3. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm các sai phạm trong đào tạo trung cấp chuyên nghiệp (2 điểm).

4. Có sáng kiến và các giải pháp cụ thể trong việc thực hiện các cuộc vận động, các chủ trương của Ngành. Thực hiện tốt việc cải cách thủ tục hành chính, nghiêm túc chế độ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên (1,5 điểm).

5. Thực hiện hiệu quả việc quy hoạch, phát triển nhân lực giáo dục TCCN và đào tạo theo nhu cầu xã hội; công tác phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh sau THCS vào học TCCN (1,5 điểm).

VI. Giáo dục Dân tộc (Vụ Giáo dục Dân tộc chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Thực hiện phát triển quy mô, mạng lưới các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương (2 điểm).

2. Nâng cao chất lượng giáo dục trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú. Thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Đảm bảo cho học sinh các trường phổ thông dân tộc bán trú có chỗ ở an toàn, đủ ăn, đủ mặc, đủ sách học (2 điểm).

3. Đảm bảo chất lượng dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số; Tổ chức tốt việc chuẩn bị và tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số ở mầm non, tiểu học phù hợp với từng địa phương. Triển khai có hiệu quả giao lưu "Tiếng Việt của chúng em" ở cấp tiểu học. Chỉ đạo dạy học tiếng dân tộc thiểu số theo chương trình và sách giáo khoa của Bộ đã ban hành (2 điểm).

4. Tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc, quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, xây dựng đội ngũ giáo viên người dân tộc thiểu số, phát triển cả về số lượng và chất lượng ở các cấp học. Tổ chức dạy tiếng dân tộc cho giáo viên ở vùng dân tộc, trước hết là giáo viên công tác tại các trường PTDTNT, PTDTBT. Tổ chức bồi dưỡng giáo viên dạy lớp ghép, giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số. Trong năm tổ chức tốt việc thanh tra, kiểm tra các trường PTDTNT, PTDTBT và chấp hành chế độ báo cáo đúng thời hạn theo quy định của Bộ (2 điểm).

5. Thực hiện tốt chế độ chính sách giáo dục dân tộc (2 điểm)

Nghiêm túc thực hiện chế độ cử tuyển học sinh dân tộc vào đại học, cao đẳng, trung cấp. Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số, nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công tác ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

VII. Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Công tác kế hoạch (1 điểm)

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục (KTKĐCLGD) đảm bảo tính thực tiễn và khả thi, đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Công tác tổ chức (1 điểm)

Có cơ cấu Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục phù hợp yêu cầu chức năng, nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt, có đủ kinh phí và cơ sở vật chất để hoạt động.

3. Công tác khảo thí (3,5 điểm), trong đó:

Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về tổ chức hoạt động khảo thí theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (1 điểm);

Tham gia tổ chức các kỳ thi quốc gia và tổ chức các kỳ thi của địa phương đảm bảo an toàn, đúng quy chế (1 điểm);

Định kỳ tổ chức hội nghị, hội thảo rút kinh nghiệm và nâng cao năng lực nghiệp vụ khảo thí tại địa phương (1 điểm);

Quản lý văn bằng, chứng chỉ theo đúng quy định hiện hành (0,5 điểm).

4. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục (3,5 điểm), trong đó:

Thực hiện đầy đủ, đạt yêu cầu các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo đúng kế hoạch công tác hàng năm (1,5 điểm);

Có ít nhất 90% số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên và trường trung cấp chuyên nghiệp hoàn thành tự đánh giá; 10% số cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên, trường trung cấp chuyên nghiệp và 20% số cơ sở giáo dục mầm non được đánh giá ngoài (1,5 điểm);

Sử dụng hiệu quả phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Công khai kết quả kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định (0,5 điểm);

5. Công tác hội họp, báo cáo (1 điểm), trong đó:

Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng biểu mẫu, đúng cấu trúc và thời gian quy định (0,5 điểm);

Tham gia đầy đủ và đúng thành phần các hội nghị, hội thảo, tập huấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Góp ý đầy đủ, chất lượng, đúng thời hạn các văn bản liên quan đến lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (0,5 điểm).

VIII. Công tác Thanh tra (Thanh tra chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Xây dựng lực lượng, đảm bảo phương tiện, kinh phí cho hoạt động thanh tra (2 điểm)

Đảm bảo lực lượng Thanh tra để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ công tác thanh tra năm học theo Nghị định 42/2013/NĐ-CP ngày 09/5/2013 sau đây gọi tắt là Nghị định 42: Có 75% thanh tra viên (TTV) trở lên, có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và cộng tác viên Thanh tra (CTVTI) các cấp (MN, PT, ĐH và TCCN) (1 điểm), trong đó:

Lực lượng TTV, CTVTT đạt trình độ, tiêu chuẩn để thực hiện nhiệm vụ thanh tra nói chung trong đó có thanh tra các cơ sở giáo dục đại học, trường TCCN (0,5 điểm);

Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo có con dấu, tài khoản, trang phục và kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất, kỹ thuật để đảm bảo cho TTV, CTVTT thực hiện tốt nhiệm vụ (0,5 điểm);

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra theo kế hoạch, thanh tra đột xuất (4 điểm), trong đó:

Kế hoạch thanh tra có nội dung, đối tượng phù hợp với nhiệm vụ công tác thanh tra năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nghị định 42 (1 điểm);

Thực hiện thanh tra theo kế hoạch đúng tiến độ, đối tượng, nội dung và nghiệp vụ thanh tra; kết quả, kết luận thanh tra tác động tích cực đến hệ thống, làm chuyển biến hoạt động của cơ sở giáo dục; xây dựng và lưu trữ hồ sơ thanh tra đúng quy định (2 điểm);

Hoàn thành nhiệm vụ Thanh tra đột xuất khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu của Lãnh đạo cấp trên (1 điểm).

3. Tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định (1 điểm), trong đó:

Tổ chức tiếp công dân; và giúp Thủ trưởng đơn vị tiếp công dân đúng quy định (0,5 điểm);

Giải quyết, chuyển đơn thư khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật; xây dựng và lưu giữ hồ sơ đúng quy định (0,5 điểm).

4. Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ thanh tra, thanh tra nội bộ, kiểm tra, thanh tra nhân dân của các cơ sở giáo dục; sơ kết, tổng kết công tác thanh tra (1,5 điểm), trong đó:

Có kế hoạch và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra cho CTVTT, nội dung, thời gian tập huấn phù hợp (trước khai giảng năm học); có hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ và thanh tra nhân dân cho các cơ sở giáo dục (0,5 điểm);

Hướng dẫn Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch công tác thanh tra và xây dựng, triển khai kế hoạch kiểm tra nội bộ các cơ sở giáo dục (0,5 điểm);

Có tổ chức sơ kết, tổng kết và triển khai công tác thanh tra năm học (0,5 điểm).

5. Thực hiện chế độ báo cáo (1,5 điểm), trong đó:

Báo cáo Kế hoạch công tác thanh tra năm học, sơ kết, tổng kết năm học và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thanh tra Bộ (1 điểm);

Báo cáo việc công khai kết luận thanh tra theo quy định của Pháp luật; đánh giá cho điểm công tác thanh tra (0,5 điểm).

IX. Công tác Pháp chế (Vụ Pháp chế chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Kiện toàn tổ chức pháp chế

Thành lập phòng pháp chế (1 điểm), trong đó:

Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thực hiện công tác pháp chế tại các phòng giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục tại địa phương (0,5 điểm);

Tham gia đầy đủ các cuộc tập huấn công tác pháp chế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (0,5 điểm).

2. Công tác xây dựng pháp luật

Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực giáo dục ở địa phương; phối hợp với Sở Tư pháp lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm (0,5 điểm);

Chuẩn bị hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực giáo dục ở địa phương đề nghị Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký, ban hành (0,5 điểm);

Soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật theo sự phân công; có ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các đơn vị khác soạn thảo (1,0 điểm).

3. Công tác kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh (0,5 điểm);

Thực hiện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục ở địa phương theo đúng quy định (0,5 điểm);

Xây dựng báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp (0,5 điểm).

4. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện Đề án 1928 giai đoạn 2013-2016 (0,5 điểm);

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ giáo viên môn pháp luật, môn giáo dục công dân, báo cáo viên và cán bộ phụ trách công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (0,5 điểm);

Bổ sung tủ sách pháp luật và các phương tiện, thiết bị, tài liệu, học liệu hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Chỉ đạo xây dựng trang thông tin phổ biến, giáo dục trên website của các cơ sở giáo dục (0,5 điểm).

5. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, bồi dưỡng của Nhà nước, tham mưu về các vấn đề pháp lý và tham gia tố tụng và cải cách thủ tục hành chính;

Thực hiện niêm yết công khai đầy đủ thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết theo quy định của pháp luật; niêm yết công khai nội dung và địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức. Rà soát,

đánh giá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo kế hoạch hoặc theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1 điểm);

Thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực giáo dục ở địa phương và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc kiểm tra, xử lý việc chấp hành pháp luật về giáo dục của các sở giáo dục trên địa bàn (1 điểm);

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết bồi thường thuộc trách nhiệm của mình theo quy định và thực hiện công tác tham mưu về các vấn đề pháp lý và tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật (1 điểm).

X. Ứng dụng công nghệ Thông tin (Cục Công nghệ Thông tin chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Triển khai hệ thống website giáo dục theo hướng dẫn tại Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/12/2012 của Bộ GDĐT (4 điểm), trong đó:

Triển khai website của Sở GDĐT theo yêu cầu Thông tư số 53/2012 (1 điểm)

Triển khai website cho các phòng GDĐT, các trường học theo công nghệ mới; đánh giá, xếp hạng website phòng GDĐT (1 điểm);

Triển khai các hoạt động trực tuyến trên hệ thống phòng họp ảo của Bộ: Họp, hội thảo, họp phổ biến công tác, giao ban; Đặc biệt tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên qua mạng (2 điểm).

2. Triển khai hệ thống thư điện tử (e-mail) theo hướng dẫn tại Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/12/2012 của Bộ GDĐT (1 điểm)

3. Tin học hóa quản lý trong trường học: Tích cực triển khai phần mềm ứng dụng quản lý giáo dục theo hướng trực tuyến (1,5 điểm);

4. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên về CNTT và triển khai chương trình công nghệ giáo dục (2,5 điểm), trong đó:

Tổ chức tập huấn sử dụng các phần mềm phục vụ soạn bài giảng điện tử; bài trình chiếu cho giáo viên sử dụng dạy học tích cực trên lớp (1 điểm);

Triển khai cuộc thi thiết kế bài giảng e-Learning của Bộ. Tổ chức tuyển chọn, góp ý, đánh giá các bài giảng điện tử e-learning trước khi giao nộp về Bộ (1 điểm);

Tổ chức tập huấn ứng dụng phần mềm mã nguồn mở theo hướng dẫn tại Thông tư 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/3/2010 của Bộ (0,5 điểm).

5. Công tác báo cáo (1 điểm)

Lập và gửi đầy đủ, đúng thời hạn, đáp ứng các yêu cầu các báo cáo CNTT gửi về Bộ GDĐT

XI. Tổ chức cán bộ (Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì đánh giá, chấm điểm)

Thực hiện Nghị định số 115 và Thông tư Liên tịch số 47 (2 điểm);

1. Đối với khối sở giáo dục và đào tạo

a) Triển khai, thực hiện theo đúng quy định (2 điểm);

b) Tham mưu đề UBND cấp tỉnh ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định (đối với các địa phương UBND cấp tỉnh ban hành chưa đúng quy định) (2 điểm);

c) Chưa thực hiện theo đúng quy định (1 điểm);

d) UBND cấp tỉnh chưa ban hành quyết định (0 điểm).

2. Đối với khối phòng giáo dục và đào tạo (2,5 điểm)

a) Triển khai, thực hiện theo đúng theo quy định (2,5 điểm);

b) Tham mưu đề UBND cấp huyện ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định (đối với các địa phương UBND cấp huyện ban hành chưa đúng quy định) (2,5 điểm);

c) Chưa thực hiện theo đúng quy định (1 điểm);

d) UBND cấp huyện chưa ban hành quyết định (0 điểm).

3. Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (CBQLGD) theo quy định hiện hành của Nhà nước; giải quyết đúng quy định của pháp luật các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhà giáo, CBQLGD và của công dân (2, 5 điểm)

Không đảm bảo một trong các quy định nêu trên (2 điểm).

4. Trình UBND cấp tỉnh ban hành chính sách đãi ngộ đối với nhà giáo, CBQLGD thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh; có giải pháp cải thiện đời sống đội ngũ nhà giáo, CBQLGD công tác tại các trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng có ảnh hưởng của thiên tai, bão, lụt (2 điểm).

5. Thực hiện nghiêm túc, chính xác, đúng thời hạn chế độ báo cáo công tác tổ chức cán bộ theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (1 điểm).

XII. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (Cục Nhà giáo và Cán bộ Quản lý cơ sở giáo dục chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Chỉ đạo triển khai có hiệu quả các cuộc vận động và các phong trào thi đua của Ngành (1,5 điểm).

2. Tổ chức rà soát, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực Ngành (0,5 điểm); xây dựng và chuẩn hóa hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực Ngành (0,5 điểm); triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Viên chức (0,5 điểm).

3. Triển khai công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Ngành (1,5 điểm).

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp, Chuẩn hiệu trưởng các cấp và Chuẩn Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên, Chuẩn nghiệp vụ sư phạm giáo viên trung cấp chuyên nghiệp (1.5 điểm).

4. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, có chế độ khuyến khích nhằm thu hút người giỏi gắn bó lâu dài với nghề (2 điểm).

5. Thực hiện đầy đủ, đúng hạn chế độ thông tin báo cáo và nộp cơ sở dữ liệu (PMIS) theo yêu cầu của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, (2 điểm).

XIII. Công tác thống kê, kế hoạch, quản lý tài chính và huy động các nguồn lực xã hội (Vụ Kế hoạch Tài chính chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Công tác kế hoạch

Xây dựng báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hàng năm, trung hạn của địa phương đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và khả thi, đúng thời hạn và theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện đầy đủ cơ chế chính sách của Nhà nước và đề xuất chính sách của địa phương để phát triển giáo dục đào tạo trên địa bàn (1 điểm);

Triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo quy định chung và đặc thù của giáo dục địa phương (1 điểm).

2. Công tác Thống kê

Thực hiện báo cáo thống kê định kỳ kịp thời, đầy đủ và chính xác; thực hiện nghiêm chỉnh các báo cáo thống kê theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (1 điểm);

Sử dụng công nghệ thông tin vào công tác thống kê, báo cáo (0,5 điểm).

3. Công tác tài chính

Hướng dẫn lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc; tổng hợp dự toán thu chi ngân sách giáo dục trong toàn Ngành (1 điểm);

Thực hiện báo cáo tài chính theo Luật Ngân sách, Luật kế toán và các báo cáo theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiêm túc, nề nếp, đúng qui định (1 điểm).

Chỉ đạo không để xảy ra tình trạng lạm thu, làm thất thoát tài sản, kinh phí Nhà nước trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn (1 điểm).

4. Thực hiện quy chế công khai tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ GDĐT về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục;

Công khai về chất lượng, điều kiện đảm bảo và thu chi tài chính (1 điểm);

Số cơ sở giáo dục được Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra việc thực hiện quy chế 3 công khai (0,5 điểm).

5. Công tác xã hội hóa

Triển khai thực hiện có hiệu quả về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (1 điểm);

Huy động được nguồn lực từ các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, có số liệu cụ thể (1 điểm).

XIV. Công tác tăng cường cơ sở vật chất và quy hoạch mạng lưới trường lớp, thiết bị dạy học (Cục cơ sở vật chất và Thiết bị Trường học, Đồ chơi trẻ em chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Công tác xây dựng cơ sở vật chất trường học: Có báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời bàn giao đưa vào sử dụng danh mục công trình đã thực hiện giai đoạn 2008-2012, hoàn thiện việc rà soát nội dung, danh mục cần đầu tư xây dựng giai đoạn 2013-2016 lộ trình đến năm 2020 theo yêu cầu của Ban chỉ đạo Trung ương (2 điểm).

2. Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển cơ sở vật chất trường học: Có tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển cơ sở vật chất trường học giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020 phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 và phù hợp với nội dung Tiêu chí số 5 và Tiêu chí số 14 (về lĩnh vực giáo dục) của Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (2 điểm).

3. Công tác thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em: Có kế hoạch và thực hiện việc tu sửa, mua sắm, bổ sung và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả thiết bị dạy học, cung ứng sách giáo khoa và vật tư tiêu hao bảo đảm phục vụ dạy học theo quy định; bố trí đủ viên chức (kể cả kiêm nhiệm) làm công tác thư viện và thiết bị dạy học; tham gia các phong trào tự làm thiết bị dạy học và các hoạt động về công tác sách, có số liệu so sánh với năm học trước về số trường có thư viện đạt chuẩn (2 điểm).

4. Tăng cường hợp tác quốc tế, triển khai có hiệu quả các dự án ODA về giáo dục và đào tạo, thu hút các nguồn tài trợ, các dự án vay nước ngoài để phát triển cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (2 điểm).

5. Lập và gửi đầy đủ, đúng kỳ hạn, đáp ứng được yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các báo cáo gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (2 điểm).

XV. Công tác Học sinh, sinh viên, giáo dục ngoại khóa và y tế trường học (Vụ Công tác Học sinh, sinh viên chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện tốt các quy chế, quy định, văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác học sinh, sinh viên, giáo dục ngoại khóa và y tế trường học; có báo cáo đầy đủ, đúng quy định (2 điểm).

2. Tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, truyền thống cách mạng, giáo dục kỹ năng sống, tư vấn tâm lý...cho học sinh, sinh viên; Tổ chức, tham gia hiệu quả các hoạt động tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật, các Hội thi văn hóa, văn nghệ cấp khu vực và toàn quốc; Thực hiện tốt chế độ, chính sách cho cán bộ Đoàn, Hội, Đội trong các nhà trường (2 điểm).

3. Có biện pháp hiệu quả, phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các cơ quan chức năng ở địa phương trong việc quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, ở trong nhà trường và ngoài xã hội nhằm đảm bảo an ninh, trật tự trường học; giáo dục an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, tác hại của trò chơi trực tuyến có nội dung bạo lực, không lành mạnh; phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên.

Không để xảy ra các vụ việc nghiêm trọng hoặc gây bức xúc trong dư luận xã hội liên quan đến vi phạm về đạo đức, lối sống, an ninh, trật tự an toàn xã hội trong cán bộ, nhà giáo và học sinh, sinh viên (2 điểm).

4. Tổ chức thực hiện tốt các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác y tế trường học. Thực hiện hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục về y tế trường học.

Đảm bảo 100% số trường có cán bộ y tế trường học, trong đó tối thiểu có 60% là cán bộ chuyên trách có trình độ từ trung cấp y trở lên; 90% số trường học có công trình nước sạch và công trình vệ sinh hợp vệ sinh; 90% học sinh tham gia Bảo hiểm y tế. Không có trường hợp ngộ độc thực phẩm xảy ra. Không có trường hợp trẻ em, học sinh tử vong do tai nạn thương tích tại nhà trường. Không để xảy ra dịch bệnh, bệnh tật nghiêm trọng (2 điểm).

5. Tổ chức cho học sinh, sinh viên được luyện tập thể thao ngoại khóa thường xuyên và có sự hướng dẫn của giáo viên; triển khai thực hiện tốt các quy định về tiêu chuẩn rèn luyện thể lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hàng năm có tổ chức các giải thể thao cấp trường, huyện, tỉnh; tham gia ít nhất 02 giải thể thao học sinh toàn quốc do Hội Thể thao Học sinh Việt nam phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; mỗi trường có ít nhất 01 câu lạc bộ thể thao học sinh, sinh viên. Đảm bảo có từ 50% trở lên số trường có công trình thể dục, thể thao (nhà tập, sân tập), (2 điểm).

XVI. Thực hiện các cuộc vận động và công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương (Công đoàn Giáo dục Việt Nam chủ trì đánh giá, chấm điểm)

1. Triển khai học tập và thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển Giáo dục giai đoạn 2011-2020 ở địa phương và đơn vị; đặc biệt là Đề án “Đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam”; Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Công đoàn Việt Nam (7/2013) và Nghị quyết Đại hội XIV Công đoàn Giáo dục Việt Nam (3/2013). Thực hiện thường xuyên việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” theo Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị được ngành giáo dục cụ thể hóa thành cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” trong giải đoạn mới (2 điểm).

2. Phối hợp với chuyên môn có giải pháp thực hiện hiệu quả việc chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục; giải quyết có hiệu quả những vấn đề hạn chế trong Ngành (2 điểm).

3. Tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương có kế hoạch, giải pháp thực hiện tốt nhiệm vụ “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; xây dựng cơ quan, đơn vị trường học đạt chuẩn văn hóa (2 điểm).

4. Tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện tốt các chế độ chính sách về giáo dục đối với nhà giáo, người lao động trong Ngành, quan tâm chăm lo đời sống của đội ngũ nhà giáo, ổn định hoạt động giáo dục, hạn chế học sinh bỏ học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; Ban hành các chế độ, chính sách của địa phương để hỗ trợ giáo dục và đội ngũ nhà giáo, người lao động (2 điểm).

5. Đẩy mạnh việc thực hiện các cuộc vận động “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”, “Quyên góp hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn” và các cuộc vận động, phong trào thi đua khác của Ngành (2 điểm).

B. Tổ chức thực hiện

I. Nhiệm vụ của các sở giáo dục và đào tạo

1. Tổ chức triển khai văn bản này tới các đơn vị chức năng thuộc sở và các cơ sở giáo dục - đào tạo trong tỉnh, thành phố để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cho phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và phát triển giáo dục đào tạo cụ thể của từng địa phương, đơn vị.

2. Đầu năm học đăng ký thực hiện các lĩnh vực công tác và gửi về Thường trực thi đua, khen thưởng Ngành.

3. Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, đúng quy định tại phần B mục V.

II. Trưởng Vùng và phân công nhiệm vụ của trưởng Vùng tổ chức các hoạt động của Vùng: Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản hướng dẫn riêng.

III. Nhiệm vụ các đơn vị chức năng thuộc Bộ được giao chủ trì đánh giá các lĩnh vực công tác

1. Xây dựng nội dung đánh giá theo nguyên tắc: Mỗi lĩnh vực công tác có 5 tiêu chí với tổng số điểm là 10, trong đó có ghi nhận mức độ tiến bộ so với năm học trước của các sở trong quá trình thực hiện lĩnh vực công tác.

2. Chỉ đạo các sở giáo dục và đào tạo tổ chức thực hiện nội dung lĩnh vực công tác do đơn vị được giao chủ trì đánh giá; theo dõi và đôn đốc việc thực hiện của các sở giáo dục và đào tạo.

3. Đánh giá, chấm điểm các sở giáo dục và đào tạo, lựa chọn đề xuất các sở hoàn thành xuất sắc lĩnh vực công tác, gửi về Thường trực Hội đồng thi đua đúng quy định: Các vụ bậc học GDMN, GDTH, GDTrH, GDTX, GDCN đề nghị 30 sở, GDDT đề nghị 22 sở, các lĩnh vực còn lại đề nghị 26 sở.

Quy định chi tiêu lĩnh vực công tác được đánh giá hoàn thành xuất sắc trong các vùng như sau:

Vùng 1 (15 sở) 6 sở giáo dục và đào tạo

Vùng 2 (8 sở) 3 sở giáo dục và đào tạo

| | |
|----------------|---------------------------|
| Vùng 3 (06 sở) | 2 sở giáo dục và đào tạo |
| Vùng 4 (10 sở) | 4 sở giáo dục và đào tạo |
| Vùng 5 (07 sở) | 3 sở giáo dục và đào tạo |
| Vùng 6 (12 sở) | 5 sở giáo dục và đào tạo |
| Vùng 7 (05 sở) | 3 sở giáo dục và đào tạo |
| Tổng cộng | 26 sở giáo dục và đào tạo |

Các lĩnh vực được đánh giá 30 sở trước tiên phải thực hiện đúng chỉ tiêu trên, 4 chỉ tiêu còn lại đơn vị chủ trì quyết định.

IV. Nhiệm vụ và trách nhiệm của Thường trực Hội đồng

1. Triển khai văn bản quy định tới các đơn vị thuộc Bộ, các sở giáo dục và đào tạo.

2. Tổng hợp điểm do các đơn vị chức năng thuộc Bộ được giao chủ trì đánh giá, lựa chọn số sở hoàn thành xuất sắc đúng chỉ tiêu quy định.

3. Tổ chức họp Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Ngành. Căn cứ vào kết quả đánh giá, chấm điểm của các đơn vị chức năng thuộc Bộ, Hội đồng thảo luận; Chủ tịch Hội đồng quyết định số lượng sở tiêu biểu xuất sắc đưa vào danh sách bỏ phiếu tặng Cờ thi đua của Bộ, số lượng sở xuất sắc đưa vào danh sách bỏ phiếu tặng Bằng khen của Bộ trưởng.

4. Trình xin ý kiến Bộ trưởng về kết quả phiên họp Hội đồng, hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ khen thưởng.

5. Một số điểm chú ý: Không xét khen thưởng hoặc hạ một bậc khen thưởng đối với các sở giáo dục và đào tạo có vấn đề nổi cộm trong Ngành, trong xã hội như: (vi phạm về hành chính, quy chế thi, tuyển sinh, thu góp, học thêm không đúng quy định, có hiện tượng vi phạm đạo đức nhà giáo, để học sinh bị chết hoặc đánh nhau trong trường học...), không thực hiện đúng cam kết về chất lượng giáo dục, không thực hiện đầy đủ các quy định tại văn bản này. Ưu tiên xét khen thưởng các sở giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế khó khăn nhưng có sự vươn lên so với năm học trước, các sở giáo dục và đào tạo có thành tích đặc biệt tiêu biểu xuất sắc thực hiện các chương trình mục tiêu do Bộ quy định.

V. Thời gian nộp báo cáo

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|-----|---|----------------------|
| 1. | Các sở GDĐT gửi 02 bộ báo cáo kết quả thực hiện từng lĩnh vực công tác về Thường trực Thi đua của Bộ GDĐT | Trước ngày 15/6/2014 |
| 2. | Thường trực Thi đua tập hợp và chuyển báo cáo | Trước ngày 20/6/2014 |

| | | |
|----|---|----------------------|
| | kết quả thực hiện từng lĩnh vực công tác của các sở về các đơn vị chức năng thuộc Bộ được giao chủ trì đánh giá cho điểm lĩnh vực công tác. | |
| 3. | Các đơn vị chức năng thuộc Bộ đánh giá chấm điểm các sở GDĐT và gửi kết quả về Thường trực Hội đồng TĐKT. | Trước ngày 25/6/2014 |
| 4. | Thường trực Hội đồng tổng hợp kết quả đánh giá cho điểm của các đơn vị chức năng thuộc Bộ | Trước ngày 30/6/2014 |
| 5. | Thường trực HĐTĐKT Ngành báo cáo kết quả tổng hợp và xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, Chủ tịch HĐTĐKT. | Trước ngày 02/7/2014 |
| 6. | HĐTĐKT Ngành họp bỏ phiếu đề nghị tặng BK, tặng Cờ thi đua của Bộ. | Trước ngày 06/7/2014 |
| 7. | Thường trực Hội đồng TĐKT ngành hoàn tất các thủ tục khen thưởng. | Trước ngày 10/7/2014 |

Trên đây là quy định nội dung các lĩnh vực công tác, quy trình triển khai và tổ chức thực hiện việc đánh giá khen thưởng các sở giáo dục và đào tạo năm học 2013 - 2014. Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các sở giáo dục và đào tạo nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các sở giáo dục và đào tạo phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phòng Thi đua, Khen thưởng - Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 49 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Điện thoại: 04.36230703).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban TĐKTTW (để biết);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- UBND các tỉnh, thành phố (để phối hợp);
- Lưu: VT, PTĐKT.


KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quang Quý

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 2011/ SY-UBND

Bình Định, ngày 17 tháng 12 năm 2013

Nơi nhận:

- PCT Mai Thanh Thắng;
- PVPVX, K9;
- Lưu: VT (03b).

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG




Mai Việt Trung